Cơ quan: Tỉnh Đồng Nai
Ngày ký: 05.11.2020 10:18:19 +07:00

UBND TỈNH ĐỒNG NAI
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Số: 3681 /SGDĐT- TCCB
V/v hướng dẫn hoạt động Cụm thi đua năm học 2020 - 2021

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đồng Nai, ngày 05 tháng 11 năm 2020

Kính gửi:

- Phòng Giáo dục và Đào tạo các huyện, thành phố Long Khánh và thành phố Biên Hòa;
- Các trường trung học phổ thông và các đơn vị trực thuộc.

Căn cứ Quyết định số 38/2018/QĐ-UBND ngày 27/9/2018 của UBND tỉnh về việc Ban hành Quy chế về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai; Công văn số 4295/BGDĐT-TĐKT ngày 19/10/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn công tác thi đua, khen thưởng khối các sở giáo dục và đào tạo năm học 2020 - 2021 và Quyết định số 1038 /QĐ-SGDĐT ngày 30/10/2020 của Sở Giáo dục và Đào tạo về Tổ chức Cụm thi đua của ngành Giáo dục và Đào tạo năm học 2020 - 2021;

Sở Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) hướng dẫn hoạt động Cụm thi đua năm học 2020 - 2021 như sau:

Phần 1
TỔ CHỨC, NHIỆM VỤ VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CỤM THI ĐUA

I. TỔ CHỨC

1. Căn cứ tình hình và điều kiện thực tế, Sở GDĐT chia các đơn vị, trường học thành 09 Cụm thi đua, gồm:

a) Các phòng GDĐT : 02 Cụm

b) Các đơn vị trực thuộc : 01 Cụm

c) Các trường Trung học phổ thông công lập : 03 Cụm

d) Các trường Trung học phổ thông ngoài công lập : 02 Cụm

đ) Văn phòng Sở : 01 Cụm

2. Mỗi Cụm có Cụm trưởng và các đơn vị thành viên (theo Quyết định 1038/QĐ-SGDĐT ngày 30/10/2020 của Sở GDĐT). Cụm trưởng có trách nhiệm tổ chức, điều hành hoạt động Cụm thi đua ngay sau khi được phân công nhiệm vụ.

II. NHIỆM VỤ

1. Cụm trưởng

Cụm trưởng chịu trách nhiệm trước Giám đốc Sở GDĐT, Hội đồng Thi đua - khen thưởng (TĐKT) ngành về hoạt động của Cụm và thực hiện các nhiệm vụ sau:

a) Điều hành Cụm; lưu trữ đầy đủ đăng ký thi đua của đơn vị trong Cụm với các chỉ tiêu cụ thể để làm căn cứ chấm điểm thi đua cuối năm và tổng hợp báo cáo về Hội đồng TĐKT ngành trước ngày **30/11/2020** thông qua phòng Tổ chức cán bộ - Sở GDĐT.

b) Chủ trì phối hợp với các đơn vị trong Cụm:

- Xây dựng chương trình, kế hoạch, quy chế về hoạt động của Cụm trên tinh thần thống nhất cao của các đơn vị trong Cụm;

- Chấm điểm để bình xét thi đua cho phù hợp với đặc điểm của Cụm (đính kèm phụ lục);

- Thống nhất nội dung phong trào thi đua, công tác khen thưởng năm học 2020 – 2021 của Cụm và thời gian sinh hoạt Cụm thi đua năm học 2020 – 2021;

- Phát động các phong trào thi đua của ngành, đặc biệt là phong trào, "Văn hóa công sở", đăng ký thi đua; tổ chức ký kết giao ước thi đua, sơ kết, tổng kết phong trào thi đua, bầu Cụm trưởng, Cụm phó cho năm học 2021 - 2022;

- Tổ chức các hoạt động văn hóa, thể thao, giao lưu, trao đổi và học tập kinh nghiệm, mô hình hay giữa các đơn vị thành viên trong Cụm. Qua đó, rút kinh nghiệm, nhân rộng mô hình, gương điển hình tiên tiến để các thành viên học tập và giới thiệu về Hội đồng TĐKT ngành vào tháng cuối của mỗi quý;

- Tổ chức kiểm tra việc thực hiện các nội dung và tiêu chí đã đăng ký giao ước thi đua đầu năm của các đơn vị trong Cụm bằng các hình thức: kiểm tra vòng tròn, kiểm tra chéo, kiểm tra chọn điểm,...

- Tổng hợp kết quả chấm điểm thi đua của các đơn vị thành viên; tiến hành rà soát, thống nhất suy tôn đơn vị dẫn đầu Cụm, đề nghị nhận Cờ thi đua Sở GDĐT.

2. Các đơn vị trong Cụm

a) Tham gia xây dựng quy chế hoạt động và thang điểm thi đua của Cụm;

b) Thực hiện nghiêm túc việc đăng ký danh hiệu thi đua, chỉ tiêu thi đua gửi về Cụm trưởng theo thời gian Cụm quy định;

c) Tham gia ký kết giao ước thi đua; dự đầy đủ các buổi họp, sinh hoạt và các hoạt động khác do Cụm thi đua thống nhất tổ chức;

d) Tự chấm điểm thi đua theo bảng điểm của Cụm kèm theo minh chứng và gửi về Cụm trưởng để tổng kết phong trào thi đua năm học; tham gia bình chọn, suy tôn các đơn vị tiêu biểu của Cụm đảm bảo nguyên tắc công khai, dân chủ, chính xác và công bằng.

III. HOẠT ĐỘNG CỦA CỤM

1. Tổ chức Hội nghị đăng ký thi đua của các Cụm năm học 2020 – 2021

a) Thời gian và địa điểm: Cụm trưởng chủ động trong việc chọn thời gian và địa điểm tổ chức (Hội nghị diễn ra trước ngày **30/11/2020**).

b) Nội dung Hội nghị (Phụ lục 1A)

c) Thời gian gửi báo cáo: nộp về phòng Tổ chức cán bộ hạn chót ngày **30/11/2020** (hồ sơ đóng thành tập, nộp 01 bộ), gồm có:

- Chương trình, kế hoạch, tiêu chí thi đua Cụm năm học 2020 – 2021;

- Biên bản Hội nghị ký kết giao ước thi đua năm học 2020 – 2021;

- Bảng thống kê số lượng đăng ký danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng của các đơn vị trong Cụm; bộ hồ sơ đăng ký thi đua các đơn vị thành viên.

- Hoàn tất đăng ký trên phần mềm Sở Nội vụ.

2. Hội nghị Sơ kết thi đua Cụm năm học 2020 – 2021

a) Các Cụm lựa chọn hình thức sơ kết thi đua Cụm phù hợp với điều kiện, tình hình thực tế của các đơn vị.

b) Biểu dương các gương điển hình tiên tiến của Cụm; giới thiệu các tấm gương nhà giáo tiêu biểu, xuất sắc, tận tụy, có thành tích xuất sắc trong giảng dạy, có đóng góp nhiều cho đơn vị, cho ngành.

c) Gửi báo cáo sơ kết và giới thiệu gương điển hình tiên tiến của Cụm về Hội đồng TĐKT ngành chậm nhất ngày **20/01/2021**.

3. Tổ chức Hội nghị Tổng kết thi đua Cụm năm học 2020 – 2021

a) Công tác rà soát kiểm tra: Cụm trưởng thống nhất thời gian và lựa chọn hình thức tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung và tiêu chí đã đăng ký của các đơn vị trong Cụm.

b) Thời gian và địa điểm: Cụm trưởng chủ động trong việc chọn thời gian và địa điểm tổ chức (Hội nghị diễn ra dự kiến trước ngày **30/6/2020** đối với các Cụm: các đơn vị trực thuộc, các trường THPT công lập, các trường THPT ngoài công lập).

c) Nội dung Hội nghị (Phụ lục 1B)

4. Đăng ký thi đua

a) Mục đích, yêu cầu

- Căn cứ Luật Thi đua - Khen thưởng và các Nghị định; Thông tư hướng dẫn thi hành Luật; Quy chế thi đua của ngành; văn bản hướng dẫn của Sở, các đơn vị tham gia phong trào thi đua đều phải đăng ký thi đua, xác định mục tiêu, chỉ tiêu thi đua hàng năm.

- Đơn vị nào không đăng ký thi đua sẽ không được xem xét, đề nghị công nhận các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng của năm đó.

b) Nội dung đăng ký thi đua

- Đăng ký thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ, kế hoạch năm học 2020 – 2021.

- Đăng ký các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng như: Cờ Thi đua xuất sắc của Chính phủ; Cờ thi đua xuất sắc của UBND tỉnh; Cờ thi đua xuất sắc của Sở GDĐT; Huân chương Lao động hạng I, II, III cho tập thể, cá nhân thuộc các đơn vị thành viên; Chiến sỹ thi đua toàn quốc; Bằng khen UBND tỉnh cho tập thể, cá nhân; Chiến sỹ thi đua cấp tỉnh; Tập thể lao động xuất sắc, tập thể lao động tiên tiến; Lao động tiên tiến, Chiến sỹ thi đua cơ sở

Lưu ý:

- Đối với đăng ký Giấy khen Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo và Bằng khen Bộ Giáo dục và Đào tạo cho các tập thể và cá nhân, Sở Giáo dục và Đào tạo sẽ có hướng dẫn, đề nghị các đơn vị đăng ký khi Bộ Giáo dục và Đào tạo phát động phong trào thi đua "Đổi mới, sáng tạo trong quản lý, giảng dạy và học tập".

- Cụm các Phòng GDĐT thực hiện đầy đủ những nội dung đăng ký danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng của UBND tỉnh và cấp Nhà nước đối với tập thể phòng (nếu có) để Sở GDĐT theo dõi trong trường hợp Ban TĐKT tỉnh lấy ý kiến hiệp y.

c) Hồ sơ đăng ký thi đua

- Đơn vị thành viên gửi Cụm trưởng mỗi loại 02 bộ, gồm:

+ Kế hoạch tổ chức, phát động phong trào thi đua năm học 2020 – 2021;

+ Bảng đăng ký tiêu chí thi đua;

+ Danh sách tập thể, cá nhân (in từ phần mềm ngành Nội vụ);

+ Bảng tổng hợp số lượng đăng ký (theo mẫu).

- Cụm trưởng gửi về Hội đồng TĐKT 01 bộ, lưu 01 bộ, gồm:

+ Bộ hồ sơ đăng ký thi đua của các đơn vị thành viên

+ Hồ sơ đăng ký thi đua Cụm:

- Chương trình, kế hoạch, tiêu chí thi đua Cụm năm học 2020 – 2021;
- Đăng ký tiêu chí thi đua Cụm năm học 2020 – 2021;
- Biên bản Hội nghị ký kết giao ước thi đua năm học 2020 – 2021;
- Bảng tổng hợp đăng ký thi đua các đơn vị của Cụm (theo mẫu).

Phần 2
CÁC NỘI DUNG, TIÊU CHÍ THI ĐUA, NGUYÊN TẮC VÀ PHƯƠNG PHÁP CHẤM ĐIỂM

I. NHỮNG CĂN CỨ ĐỂ ĐĂNG KÝ GIAO ƯỚC THI ĐUA, CHẤM ĐIỂM THI ĐUA

1. Căn cứ để giao ước thi đua

- Chức năng, nhiệm vụ của cơ quan đơn vị, nhiệm vụ năm học.

- Chỉ tiêu kế hoạch được cấp có thẩm quyền giao trong năm học.

- Đối với đơn vị không có cấp trên giao kế hoạch thì đơn vị tự đăng ký chỉ tiêu; chỉ tiêu đăng ký phải đảm bảo tính tiên tiến, phát triển.

2. Căn cứ để chấm điểm thi đua

- Nội dung đã đăng ký giao ước thi đua đầu năm học.

- Kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học.

- Nhận xét, đánh giá, xếp loại của Sở GDĐT.

3. Đối tượng chấm điểm thi đua: Là các tập thể đơn vị có tên trong Cụm thi đua theo Quyết định số 1038 /QĐ-SGDĐT ngày 30/10/2020 của Sở Giáo dục và Đào tạo.

II. NỘI DUNG, TIÊU CHÍ THI ĐUA

Theo phụ lục 02 đính kèm.

III. NGUYÊN TẮC VÀ PHƯƠNG PHÁP CHẤM ĐIỂM TIÊU CHÍ THI ĐUA

1. Nguyên tắc

a) Đối với chỉ tiêu định lượng: lấy kết quả thực hiện so với kế hoạch được giao (hoặc so với năm trước) để so sánh, đánh giá. Nếu đạt theo kế hoạch đề ra thì được hưởng 100% số điểm chuẩn của nội dung đó.

b) Đối với chỉ tiêu định tính (hoàn thành nhiệm vụ) được lượng hóa thành các mức độ:

- Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao hưởng 100% điểm chuẩn.

- Hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao hưởng 50% điểm chuẩn.

c) Trên cơ sở các tiêu chí thi đua và thang bảng điểm quy định tại hướng dẫn này, tùy vào đặc điểm, tình hình riêng, các Cụm có thể bổ sung nội dung tiêu chí chấm điểm, phân chia thang điểm cụ thể hơn. Tuy nhiên, tổng điểm các tiêu chí không được vượt quá điểm tiêu chí quy định tại các bản phụ lục đính kèm và phải được thành viên trong Cụm thống nhất thông qua, được Thường trực Hội đồng TĐKT Ngành nhất trí trước khi ban hành.

d) Khi chấm điểm cần lưu ý: Tự nhận xét đánh giá cần trung thực, khách quan, có tài liệu minh chứng được kết quả của công việc đã làm.

đ) Các đơn vị được suy tôn Nhất, Nhì, Ba của Cụm phải được đánh giá công vụ là hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ và đạt được 90% tổng số điểm của phụ lục 02 trở lên và chọn từ điểm cao xuống thấp.

Lưu ý: Trong quá trình chấm điểm nếu phát sinh những nội dung chưa hợp lý thì cũng không điều chỉnh quy chế đã ban hành mà chỉ ghi nhận để sửa đổi, bổ sung quy chế áp dụng cho năm học sau.

2. Phương pháp chấm điểm

a) Các đơn vị tự chấm điểm; các thành viên Cụm rà soát, kiểm tra chéo, đối chiếu với các tài liệu minh chứng cho việc chấm điểm để đi đến thống nhất.

b) Tất cả các chỉ tiêu thi đua được lượng hóa thành điểm.

c) Dùng phương pháp so sánh để đánh giá, chấm điểm.

IV. BÌNH XÉT THI ĐUA VÀ ĐỀ NGHỊ KHEN THƯỞNG

1. Quy định chung

a) Căn cứ vào kết quả điểm đã thống nhất của các thành viên trong Cụm để bình chọn, suy tôn Nhất, Nhì và Ba của Cụm.

b) Cụm rà soát, không đề xuất danh hiệu và các hình thức khen thưởng tập thể đối với các đơn vị có một trong các vi phạm sau:

- Đơn vị không đăng ký và không ký kết giao ước thi đua;

- Đơn vị đánh giá mức độ công vụ là hoàn thành nhiệm vụ trở xuống;

- Các tổ chức Đảng, Đoàn thể (Công đoàn, Đoàn Thanh niên) không được đánh giá chất lượng hoặc đánh giá từ mức độ trung bình trở xuống;

- Không xét khen thưởng các tập thể, cá nhân, người đứng đầu và cấp phó của người đứng đầu có tập thể hoặc cá nhân thuộc quyền quản lý vi phạm một trong các điểm sau: kê khai không đúng thành tích đạt được; vi phạm đạo đức nhà giáo, đạo đức người học; vi phạm quy chế tuyển sinh, quy chế thi, dạy thêm, học thêm; thu, chi sai quy định, vi phạm vấn đề tài chính hoặc có cá nhân vi phạm pháp luật hoặc có xảy ra tham nhũng, mất dân chủ, mất đoàn kết nội bộ làm ảnh hưởng đến môi trường giáo dục của đơn vị, của ngành;

- Đơn vị có cá nhân bị kỷ luật từ cảnh cáo trở lên.

2. Danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng

a) Cờ thi đua xuất sắc của Chính phủ: do Hội đồng Thi đua, Khen thưởng tỉnh họp xét và bình chọn từ các đơn vị được nhận Cờ thi đua xuất sắc của UBND tỉnh.

b) Cờ thi đua xuất sắc của UBND tỉnh: do Hội đồng Thi đua, Khen thưởng ngành họp xét và bình chọn từ các đơn vị được nhận Cờ thi đua xuất sắc của Sở GDĐT.

c) Cờ thi đua xuất sắc của Sở GDĐT: do các Cụm họp suy tôn, đề nghị và hội đồng Thi đua Khen thưởng ngành GDĐT họp xét.

3. Khen thưởng Cụm xuất sắc

Căn cứ kết quả hoạt động của Cụm, Hội đồng Thi đua, Khen thưởng ngành sẽ bình chọn các Cụm đạt một số tiêu chí sau đây để chọn khen thưởng Cụm xuất sắc nhất.

a) Cụm các trường THPT công lập và các đơn vị trực thuộc:

- Có 100% các đơn vị thành viên của Cụm hoàn thành tốt nhiệm vụ;

- 100% các đơn vị thành viên nhập đầy đủ thông tin đăng ký thi đua vào phần mềm phân hệ thi đua khen thưởng của Sở Nội vụ, không để bị nhắc nhở bằng văn bản; nộp hồ sơ thi đua đúng quy trình, thủ tục.

- Không có đơn vị nào trình sai tiêu chuẩn các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng theo quy định;

- Làm tốt công tác nhân rộng điển hình tiên tiến cấp Cụm;

- Có số lượng tập thể được đánh giá hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ cao;

- Có xây dựng kế hoạch hoạt động năm của Cụm.

b) Cụm các phòng GDĐT và các trường THPT, phổ thông nhiều cấp học ngoài công lập

- Không có đơn vị nào trình sai tiêu chuẩn các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng theo quy định (không dành cho Cụm phòng GDĐT); nộp hồ sơ thi đua đúng quy trình, thủ tục.

- Có xây dựng kế hoạch hoạt động năm của Cụm;

- Tổ chức 01 hoạt động chung cấp Cụm trở lên có hiệu quả.

4. Tuyến trình khen thưởng (hướng dẫn sau)

5. Hồ sơ đề nghị khen thưởng của Cụm (02 bộ)

- Tờ trình của Cụm;

- Biên bản họp bình xét chấm điểm thi đua Cụm;

- Danh sách (kèm file);

- Báo cáo thành tích của các tập thể được đề nghị khen thưởng.

Trên đây là hướng dẫn hoạt động Cụm thi đua năm học 2020 - 2021, đề nghị các đơn vị triển khai thực hiện. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, liên hệ phòng Tổ chức cán bộ -Sở GDĐT, điện thoại: 02513.943.269 hoặc 0945.911.903 để được hướng dẫn thêm./.

***Nơi nhận*:**
- Như trên;
- Hội đồng TĐKT ngành GDĐT;
- Ban Giám đốc Sở GD&ĐT;
- Các phòng Sở;
- Cổng thông tin điện tử Sở;
- Lưu: VT, TCCB.

KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TỈNH ĐỒNG NAI

Trương Thị Kim Huệ

PHỤ LỤC 1A
Hướng dẫn Hội nghị Ký kết giao ước thi đua Cụm

1. Phông trang trí Hội nghị

Cờ Đảng Cờ Tổ quốc	**SỞ GDĐT TỈNH ĐỒNG NAI** **CỤM THI ĐUA....**
Ảnh Bác	**HỘI NGHỊ** **PHÁT ĐỘNG VÀ KÝ KẾT GIAO ƯỚC THI ĐUA** **NĂM HỌC 2020– 2021** ...., ngày.....tháng.....năm.....

2. Thành phần tham dự

- Đại diện Lãnh đạo Sở GDĐT;

- Đại diện Hội đồng TĐKT ngành GDĐT;

- Các đơn vị trong Cụm: Hiệu trưởng, Chủ tịch Công đoàn cơ sở và đồng chí phụ trách công tác TĐKT của các đơn vị thành viên (đối với các đơn vị Chủ tịch công đoàn không phụ trách công tác thi đua khen thưởng của đơn vị).

3. Nội dung chương trình

+ Tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu;

+ Thống nhất chương trình, kế hoạch, quy chế về hoạt động của Cụm;

+ Thống nhất nội dung phong trào thi đua, công tác khen thưởng năm học 2020 – 2021 của Cụm và thời gian sinh hoạt Cụm thi đua năm học 2020 - 2021;

+ Thống nhất bảng chấm điểm để bình xét thi đua cho phù hợp với đặc điểm của Cụm;

+ Phát động thi đua;

+ Nghi thức ký kết giao ước thi đua:

- Đọc nội dung ký kết;
- Mời lãnh đạo các đơn vị lên vị trí (xếp hàng ngang phía sau bàn ký kết);
- Mời lãnh đạo lên chứng kiến (Lãnh đạo Sở, Đại diện Hội đồng TĐKT ngành);
- Mời lần lượt từng đơn vị ngồi vào vị trí ký kết (bảng ký kết đã được để trên bàn);
- Lãnh đạo các đơn vị ký xong, bắt tay lãnh đạo chứng kiến, xếp hàng chờ các đơn vị ký xong, bắt chéo tay để chụp ảnh.

+ Phát biểu của lãnh đạo;

+ Tiếp thu ý kiến chỉ đạo và bế mạc.

PHỤ LỤC 1B
Hướng dẫn Hội nghị Tổng kết thực hiện giao ước thi đua Cụm

1. Phông trang trí Hội nghị

Cờ Đảng Cờ Tổ quốc	**SỞ GDĐT TỈNH ĐỒNG NAI** **CỤM THI ĐUA....**
Ảnh Bác	**HỘI NGHỊ TỔNG KẾT** **THỰC HIỆN GIAO ƯỚC THI ĐUA** **NĂM HỌC 2020 - 2021** ...., ngày.....tháng.....năm.....

2. Thành phần tham dự

- Đại diện Lãnh đạo Sở GDĐT;

- Đại diện Hội đồng TĐKT ngành GDĐT;

- Các đơn vị trong Cụm: Hiệu trưởng, Chủ tịch Công đoàn cơ sở và đồng chí phụ trách công tác TĐKT của các đơn vị thành viên (đối với các đơn vị Chủ tịch công đoàn không phụ trách công tác thi đua khen thưởng của đơn vị).

3. Nội dung chương trình

+ Tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu;

+ Rà soát bảng điểm, thống nhất kết quả chấm điểm, xếp hạng thi đua, suy tôn đơn vị dẫn đầu Cụm và đề nghị khen thưởng;

+ Báo cáo tổng kết thực hiện giao ước thi đua của Cụm;

+ Phổ biến, giới thiệu các gương điển hình tiên tiến, các mô hình mới, cách làm hay và giao lưu, học tập các gương điển hình tiên tiến của các đơn vị thành viên;

+ Bầu Cụm trưởng, Cụm phó.

PHỤ LỤC SỐ 2A
DANH MỤC TIÊU CHÍ THI ĐUA KHỐI PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
(Kèm theo Công văn số /SGDĐT-TCCB ngày /11/ 2020 Sở Giáo dục và Đào tạo)

STT	TIÊU CHÍ THI ĐUA THEO 9 NHIỆM VỤ, 5 GIẢI PHÁP	MINH CHỨNG	ĐIỂM ĐÁNH GIÁ
1.	**Nhiệm vụ 1: Rà soát, sắp xếp mạng lưới cơ sở giáo dục mầm non - phổ thông**		**100**
1.1	Chủ trương của địa phương.	Nghị quyết, quyết định của huyện/thành ủy, Hội đồng nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp huyện.	20
1.2	Kế hoạch, lộ trình triển khai tổ chức thực hiện.	- Có quyết định phê duyệt kế hoạch, đề án, chương trình cụ thể (đã được phê duyệt), với các nội dung: + Mục tiêu chung. + Mục tiêu cụ thể: số lượng đơn vị rà soát, sắp xếp; kết quả sau rà soát, sắp xếp (số lượng cơ sở giáo dục, điểm trường, cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, cơ sở vật chất..., đối chiếu với trước khi rà soát, sắp xếp). + Nguồn lực thực hiện; kế hoạch, giải pháp huy động các nguồn lực. + Đánh giá tác động của việc rà soát, sắp xếp - Có văn bản hướng dẫn triển khai thực hiện (đã được phê duyệt).	30

1.3	Kết quả thực hiện.	- Báo cáo kết quả thực hiện theo kế hoạch, đề án, chương trình được duyệt: - Số lượng đơn vị rà soát, sắp xếp; số lượng cơ sở giáo dục, điểm trường, cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, quy mô trường lớp, cơ sở vật chất, sĩ số học sinh… (đối chiếu so với năm trước và kế hoạch được duyệt). - Nguồn vốn đã huy động thực hiện.	50
2.	**Nhiệm vụ 2: Nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục**		**100**
2.1	Công tác quản lý và nâng cao đạo đức nhà giáo		20
	Quán triệt và tổ chức triển khai thực hiện việc nâng cao năng lực ứng xử sư phạm, đạo đức nhà giáo	- Các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn, triển khai thực hiện các quy định về đạo đức nhà giáo. - Kế hoạch và kết quả phối hợp với các đơn vị, tổ chức có liên quan triển khai thực hiện các quy định về đạo đức nhà giáo. - Kết quả xử lý vi phạm đạo đức nhà giáo (nếu có).	
2.2	Công tác tuyển dụng, sử dụng, tinh giản; quy hoạch, bổ nhiệm cán bộ quản lý; thi/xét thăng hạng, bổ nhiệm hạng chức danh cho đội ngũ giáo viên, nhân viên các cơ sở giáo dục		20
	Công tác rà soát, tuyển dụng, tinh giản biên chế.	- Văn bản chỉ đạo triển khai của Ủy ban nhân dân cấp huyện (nếu có). - Văn bản hướng dẫn, tổ chức triển khai thực hiện. - Kết quả thực hiện Đề án tinh giản biên chế.	
	Thực hiện chế độ làm việc của giáo viên.	- Quyết định giao chỉ tiêu biên chế; - Kết quả thực hiện chế độ làm việc của giáo viên theo hướng dẫn của Bộ, Sở.	
	Công tác quy hoạch, bổ nhiệm cán bộ quản lý giáo dục.	- Kết quả triển khai, thực hiện.	

	Thực hiện thi/xét thăng hạng, bổ nhiệm hạng chức danh nghề nghiệp cho giáo viên, nhân viên cơ sở giáo dục.	- Kết quả triển khai và thực hiện thi/xét thăng hạng, bổ nhiệm hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên, nhân viên cơ sở giáo dục.	
2.3	Công tác bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục.		20
	Bồi dưỡng thực hiện chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông mới.	- Kế hoạch và kết quả thực hiện.	
	Bồi dưỡng thường xuyên nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ quản lý, giáo viên mầm non, phổ thông và giáo dục thường xuyên.	- Kế hoạch và kết quả thực hiện công tác bồi dưỡng.	
	Bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp cho giáo viên mầm non, phổ thông.	- Kế hoạch và kết quả thực hiện công tác bồi dưỡng.	
	Thực hiện cơ chế phối hợp trong triển khai bồi dưỡng.	- Kế hoạch/văn bản và kết quả thực hiện phối hợp với các đơn vị, tổ chức có liên quan trong việc thực hiện bồi dưỡng.	
2.4	Thực hiện chế độ chính sách về lương, phụ cấp theo lương, tôn vinh, khen thưởng		20
	Thực hiện các quy định về lương, phụ cấp theo lương.	- Triển khai, thực hiện	
	Triển khai công tác tôn vinh nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục.	- Văn bản tham mưu, chỉ đạo, hướng dẫn triển khai thực hiện. - Kết quả tổ chức thực hiện.	
	Thực hiện chính sách ưu đãi, đãi ngộ của địa phương.	- Văn bản tham mưu với địa phương có chính sách đãi ngộ với đội ngũ. - Kết quả thực hiện.	
2.5	Thực hiện công tác quản lý		20

	Triển khai đánh giá giáo viên, cán bộ quản lý theo chuẩn nghề nghiệp, chuẩn hiệu trưởng.	- Văn bản chỉ đạo, hướng dẫn việc đánh giá đội ngũ theo chuẩn nghề nghiệp, chuẩn hiệu trưởng. - Kết quả đánh giá đội ngũ theo chuẩn nghề nghiệp, chuẩn hiệu trưởng được cập nhật trên hệ thống cơ sở dữ liệu.	
	Thực hiện đánh giá giáo viên, nhân viên, cán bộ quản lý theo quy định của Luật Viên chức, Luật Cán bộ, công chức.	- Kết quả thực hiện	
	Tiếp nhận, giải quyết kịp thời, đầy đủ ý kiến, kiến nghị của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên về chế độ chính sách.	Kết quả thực hiện	
3.	**Nhiệm vụ 3: Nâng cao chất lượng giáo dục, triển khai chương trình giáo dục phổ thông và sách giáo khoa mới; đẩy mạnh định hướng nghề nghiệp và phân luồng học sinh sau trung học cơ sở; đổi mới quản lý và nâng cao hiệu quả giáo dục thường xuyên; tăng cường giáo dục đạo đức, lối sống, kỹ năng sống, giáo dục thể chất cho học sinh, bảo đảm an toàn trường học; nâng cao hiệu quả giáo dục dân tộc.**		**540**
3.1	Nâng cao chất lượng giáo dục mầm non		**100**
3.1.1	Đảm bảo an toàn về thể chất và tinh thần cho trẻ: - Xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện, phòng, chống bạo lực học đường; phòng chống tai nạn thương tích (Theo Nghị định số 80/2017/NĐ-CP; Chỉ thị số 993/CT-BGDĐT; Thông tư số 13/2010/TT-BGDĐT). - Thực hiện các quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm. - Đảm bảo an toàn cho trẻ tại nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập.	- Kế hoạch/Văn bản hướng dẫn về xây dựng môi trường; phòng chống bạo lực, tai nạn thương tích. - Kết quả triển khai bộ quy tắc ứng xử theo quy định tại Thông tư số 06/2019/TT-BGDĐT. - Văn bản quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm. - Kế hoạch/Công văn hướng dẫn đảm bảo an toàn nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập.	30

3.1.2	Nâng cao chất lượng công tác nuôi dưỡng và chăm sóc sức khoẻ của trẻ: - Duy trì, nâng cao tỷ lệ trẻ ăn bán trú. - Có 100% trẻ đến trường được kiểm tra sức khỏe và đánh giá tình trạng dinh dưỡng bằng biểu đồ tăng trưởng của Tổ chức Y tế Thế giới. - Giảm tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng và béo phì	 - Tỷ lệ ăn bán trú. - Số lượng trẻ kiểm tra sức khỏe định kỳ. - Số lượng tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng và béo phì.	30
3.1.3	Đổi mới hoạt động chăm sóc, giáo dục, nâng cao chất lượng thực hiện Chương trình giáo dục mầm non: - Triển khai có hiệu quả chuyên đề xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm giai đoạn 2. - Tiếp tục đẩy mạnh việc tổ chức các hoạt động giáo dục phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội cho trẻ; giáo dục an toàn giao thông; hướng dẫn thực hiện lồng ghép giáo dục dinh dưỡng và chăm sóc sức khỏe với giáo dục phát triển vận động cho trẻ trong các cơ sở giáo dục mầm non; tăng cường chuẩn bị cho trẻ mầm non sẵn sàng vào lớp một. - Đẩy mạnh việc tổ chức các hoạt động giáo dục phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội cho trẻ. - Hỗ trợ, phối hợp với cha mẹ trẻ chăm sóc giáo dục trẻ có chất lượng. - Đẩy mạnh giáo dục bảo vệ môi trường, giáo dục thích ứng và ứng phó với biến đổi khí hậu, nâng cao ý thức tiết kiệm năng lượng, bảo vệ an toàn bản thân và môi trường sống. - Có giải pháp đối với giáo dục hòa nhập.	- Hướng dẫn nhiệm vụ năm học/kế hoạch triển khai thực hiện chuyền đề xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm giai đoạn 2. - Hướng dẫn nhiệm vụ năm học/Kế hoạch tổng kết chuyên đề/Báo cáo tổng kết 5 năm triển khai thực hiện chuyên đề xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm. - Hướng dẫn nhiệm vụ năm học/Kế hoạch/Văn bản chỉ đạo tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn. - Kết quả thực hiện. - Chính sách cho trẻ học hòa nhập, có thể có trung tâm giáo dục hòa nhập.	30
3.1.4	Đổi mới nội dung, hình thức sinh hoạt chuyên môn;	- Kết quả đổi mới nội dung, hình thức sinh hoạt chuyên	10

	không lạm dụng hồ sơ sổ sách theo quy định.	môn. - Số lượng hồ sơ, sổ sách theo quy định.	
3.2	Nâng cao chất lượng giáo dục Tiểu học		**100**
3.2.1	Công tác chỉ đạo		
	Thực hiện chương trình giáo dục theo quy định của Bộ và phù hợp với tình hình cụ thể của địa phương; thực hiện đổi mới phương pháp dạy học.	Văn bản chỉ đạo của phòng GD và kết quả thực hiện.	20
	Tham mưu đề xuất các cấp lãnh đạo và chỉ đạo có hiệu quả việc triển khai chương trình, sách giáo khoa lớp 1 và việc chuẩn bị các điều kiện cho việc tiếp tục thực hiện lộ trình triển khai chương trình giáo dục phổ thông 2018 đối với cấp tiểu học.	Tham mưu văn bản, cơ sở vật chất	20
3.2.2	Chất lượng giáo dục tiểu học		
	Tỷ lệ học sinh 6 tuổi vào lớp 1.	Văn bản chỉ đạo với các giải pháp cụ thể có hiệu quả; kết quả thực hiện.	15
	Tỷ lệ học sinh 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học.	Văn bản chỉ đạo với các giải pháp cụ thể có hiệu quả; kết quả thực hiện.	15
	Tỷ lệ học sinh lớp 1,2,3,4,5 hoàn thành chương trình lớp học.	Văn bản chỉ đạo với các giải pháp cụ thể có hiệu quả; kết quả thực hiện.	15
	Tỷ lệ học sinh bỏ học, tỷ lệ học sinh khuyết tật trong độ tuổi tiểu học được đi học.	Văn bản chỉ đạo với các giải pháp cụ thể có hiệu quả; kết quả thực hiện.	15
3.3	Nâng cao chất lượng, hiệu quả thực hiện chương trình giáo dục trung học theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực học sinh; chuẩn bị triển khai chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông mới đối với giáo dục trung học		**200**
3.3.1	Chỉ đạo các cơ sở giáo dục trung học xây dựng kế	Báo cáo có hồ sơ minh chứng về: xây dựng kế hoach; kết	40

	hoạch giáo dục nhà trường, kế hoạch dạy học và giáo dục theo chương trình môn học của tổ chuyên môn; kế hoạch giáo dục của giáo viên bảo đảm yêu cầu tổ chức thực hiện linh hoạt, phù hợp với điều kiện cụ thể của địa phương và cơ sở giáo dục	quả thực hiện hiệu quả các phương pháp dạy học tích cực, có số liệu và hồ sơ điện tử minh chứng các điển hình sáng tạo của địa phương.	
3.3.2	Chỉ đạo tiếp tục thực hiện chương trình giáo dục phổ thông hiện hành theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực học sinh đúng theo chỉ đạo tại Công văn số 4612/BGDĐT-GDTrH ngày 03/10/2017 và công văn 3280/BGDĐT-GDTrH ngày 26/8/2020		
3.3.3	Chỉ đạo và tổ chức thực hiện việc đổi mới công tác kiểm tra, đánh giá theo định hướng hình thành và phát triển phẩm chất, năng lực học sinh.	Kết quả thực hiện hiệu quả đổi mới công tác kiểm tra, đánh giá vì sự tiến bộ của học sinh, kết hợp đánh giá quá trình và đánh giá kết quả, có số liệu và hồ sơ điện tử minh chứng các điển hình sáng tạo của địa phương.	30
3.3.4	Chỉ đạo, tổ chức và quản lý việc thực hiện công tác phổ cập giáo dục trung học cơ sở, giáo dục chuyên biệt.	Kết quả thực hiện phổ cập giáo dục trung học cơ sở, giáo dục chuyên biệt. Các giải pháp thực hiện.	30
3.3.5	Đẩy mạnh triển khai giáo dục STEM trong giáo dục trung học	Triển khai có hiệu quả Công văn số 3089/BGDĐT-GDTrH ngày 14/8/2020 của Bộ GDĐT về việc triển khai thực hiện giáo dục STEM trong giáo dục trung học	20
3.3.6	Nâng cao chất lượng dạy học qua internet, trên truyền hình	Tổ chức dạy học qua Internet và trên truyền hình bảo đảm chất lượng hiệu quả theo hướng dẫn tại Công văn số 1061/BGDĐT-GDTrH ngày 25/3/2020 của Bộ GDĐT	10
3.3.7	Chuẩn bị triển khai chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông mới đối với giáo dục trung học		50
	Chuẩn bị đội ngũ giáo viên	Thống kê, rà soát, bổ sung đội ngũ giáo viên cốt cán các môn học; triển khai bồi dưỡng giáo viên đại trà. Thống kê số lượng giáo viên dạy học lớp 6 năm học 2021-2022.	10

	Biên soạn tài liệu giáo dục địa phương	Tham gia góp ý	20
	Tổ chức lựa chọn sách giáo khoa	Chỉ đạo tổ chức thực hiện việc lựa chọn sách giáo khoa lớp 6 theo quy định tại Thông tư số 25/2020/TT-BGDĐT ngày 26/8/2020 của Bộ GDĐT Phối hợp với các Nhà xuất bản có sách giáo khoa được lựa chọn để đảm bảo cung ứng sách giáo khoa và tổ chức tập huấn sử dụng sách giáo khoa	20
3.3.8	Chỉ đạo, tổ chức và quản lý việc giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông.	Kết quả thực hiện các mục tiêu tại Quyết định 522/QĐ-TTg ngày 14/5/2018 của Thủ tướng chính phủ; đổi mới công tác giáo dục hướng nghiệp, kết quả triển khai các nội dung hướng dẫn trong Công văn số 1676/BGDĐT-GDTrH ngày 16/4/2019.	20
3.4	Công tác giáo dục đạo đức, lối sống, kỹ năng sống, bảo đảm an toàn trường học.		**50**
3.4.1	Công tác giáo dục đạo đức, lối sống, kỹ năng sống; xây dựng bộ quy tắc ứng xử; công tác tư vấn học đường, công tác xã hội trường học; nền nếp, kỷ cương, dân chủ và công tác Đoàn, Đội trong trường học.	- Văn bản chỉ đạo triển khai thực hiện. - Mô hình giáo dục đạo đức, lối sống tiêu biểu; Danh sách các trường đã thành lập tổ tư vấn tâm lý. Tỷ lệ các trường thành lập Tổ Tư vấn học đường và xây dựng kế hoạch triển khai; số lượng cán bộ kiêm nhiệm công tác tư vấn tâm lý được tập huấn, cấp chứng chỉ. - Chương trình phối hợp giữa ngành Giáo dục và Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh; danh sách các trường đảm bảo chế độ chính sách cho cán bộ Đoàn, Đội.	20
3.4.2	- Triển khai các giải pháp xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện, phòng chống bạo lực học đường; không để xảy ra bạo lực học đường, học sinh vi phạm pháp luật - Tăng cường các giải pháp đảm bảo an toàn cho học	- Văn bản chỉ đạo và kết quả triển khai thực hiện. - Báo cáo kịp thời các vụ việc an ninh trật tự trường học, bạo lực học đường, xâm hại xảy ra (nếu có). - Tỷ lệ các trường đã tập huấn cho giáo viên, học sinh về kiến thức, kỹ năng đảm bảo an toàn khi sử dụng dịch vụ	15

	sinh khi sử dụng dịch vụ đưa đón bằng xe ô tô theo Công văn số 3523/BGDĐT-GDCTHSSV ngày 16/8/2019.	đưa đón bằng xe ô tô.	
3.4.3	- Xây dựng và triển khai kế hoạch công tác giáo dục chính trị, tư tưởng; hướng dẫn học sinh sử dụng mạng internet, mạng xã hội an toàn, lành mạnh, đúng quy định của pháp luật; Chỉ thị số 05/CT/TW ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; - Xây dựng bộ quy tắc ứng xử theo quy định tại Thông tư số 06/2019/TT-BGDĐT.	- Văn bản chỉ đạo và kết quả triển khai thực hiện. - Kết quả tập huấn cho đội ngũ cộng tác viên quản lý, giáo dục học sinh trên môi trường mạng. - Danh sách cá nhân, tập thể tiêu biểu thực hiện Chỉ thị số 05/CT/TW. - Các vụ việc an ninh chính trị xảy ra (nếu có). - Tỷ lệ các trường học xây dựng bộ quy tắc ứng xử, (Danh sách các trường xây dựng bộ quy tắc ứng xử).	15
3.5	Công tác giáo dục thể chất		**50**
3.5.1	Chỉ đạo và hướng dẫn triển khai thực hiện công tác giáo dục thể chất, thể thao, y tế trường học và phòng tránh tai nạn thương tích đuối nước.	Có văn bản hướng dẫn, có kế hoạch triển khai; kết quả thực hiện công tác giáo dục thể chất, công tác y tế trường học, phong trào thể thao trường học trong năm học.	10
3.5.2	Tổ chức các hoạt động (giải thi đấu thể thao) thi đấu thể thao cho học sinh quy mô tỉnh/thành phố; tham gia ít nhất 1-2 hoạt động thi đấu thể thao (giải thi đấu thể thao) học sinh do Bộ, ngành và cấp trên tổ chức; có ít nhất 80% cơ sở giáo dục có câu lạc bộ thể thao dành cho học sinh; có ít nhất 80% tổng số học sinh được kiểm tra đánh giá xếp loại thể lực theo độ tuổi.	- Kế hoạch tổ chức và kết quả tham gia các hoạt động thi đấu thể thao cho học sinh quy mô tỉnh/thành phố và toàn quốc. - Có danh sách tổng hợp kết quả kiểm tra, đánh giá thể lực của từng học sinh qua kiểm tra được cập nhật trên phần mềm. - Số liệu.	10
3.5.3	Có 100% cơ sở giáo dục đảm bảo đủ số lượng giáo viên giáo dục thể chất và được tập huấn nâng cao trình độ chuyên môn, cứu đuối, phòng tránh tai nạn thương tích cho học sinh.	- Kết quả thực hiện. - Kế hoạch tập huấn. - Số liệu.	10
3.5.4	Có ít nhất 90% cơ sở giáo dục đảm bảo có đủ sở vật chất,	- Số liệu câu lạc bộ thể thao.	10

	trang thiết bị phục vụ công tác giáo dục thể chất và hoạt động thể thao trường học, đáp ứng nhu cầu tối thiểu theo quy định.	- Số liệu về cơ sở vật chất: Nhà tập, sân tập, dụng cụ tập luyện.	
3.5.5	Đảm bảo 100% số cơ sở giáo dục có cán bộ y tế trường học, trong đó 60% là cán bộ chuyên trách có trình độ từ trung cấp y trở lên; có 90% số trường học đảm bảo công trình nước sạch, công trình vệ sinh sạch sẽ và hợp vệ sinh; có 100% học sinh tham gia bảo hiểm y tế; không để xảy ra ngộ độc thực phẩm, dịch bệnh, bệnh tật nghiêm trọng.	- Kết quả thực hiện. - Công văn chỉ đạo. - Số liệu.	10
3.6	Công tác giáo dục dân tộc		**20**
	Thực hiện các chế độ, chính sách về giáo dục dân tộc theo quy định hiện hành	- Kết quả thực hiện - Văn bản về chế độ, chính sách của địa phương đối với người dạy và người học ở vùng dân tộc thiểu số, miền núi.	20
3.7	Công tác giáo dục Quốc phòng - An ninh		**20**
	Công tác quân sự, quốc phòng		20
	Công tác lãnh, đạo chỉ đạo nhiệm vụ quân sự, quốc phòng, giáo dục quốc phòng và an ninh.	- Kết quả thực hiện	
	Bồi dưỡng kiến thức QP-AN cho các đối tượng.	- Kết quả thực hiện	
4.	**Nhiệm vụ 4: Nâng cao chất lượng dạy học ngoại ngữ, đặc biệt là tiếng Anh**		**100**
4.1	Nâng cao chất lượng dạy học ngoại ngữ đối với giáo dục tiểu học		25
4.1.1	Công tác chỉ đạo điều hành.	- Văn bản chỉ đạo với các giải pháp cụ thể, lộ trình phù hợp để triển khai việc dạy và học ngoại ngữ đối với cấp tiểu học phù hợp với điều kiện và nhu cầu của địa	5

		phương. - Văn bản hướng dẫn về tổ chức thực hiện.	
4.1.2	Kết quả việc triển khai dạy và học ngoại ngữ cấp tiểu học trong năm học.	- Kết quả thực hiện -Văn bản báo cáo với minh chứng	10
4.1.3	- Tỷ lệ học sinh khối 3-5 được học chương trình Tiếng Anh đảm bảo yêu cầu tối thiểu của Đề án (4 tiết/tuần). - Tỷ lệ giáo viên ngoại ngữ đạt chuẩn năng lực (từ B2 trở lên); tỷ lệ giáo viên ngoại ngữ được tập huấn, bồi dưỡng nâng cao năng lực sư phạm. - Tổ chức được các hoạt động tại địa phương nhằm phát động phong trào học Tiếng Anh, xây dựng môi trường học và sử dụng ngoại ngữ đến các trường tiểu học trong địa bàn, hiệu quả việc xây dựng các trường điển hình về học ngoại ngữ.	- Kết quả thực hiện - Văn bản báo cáo với minh chứng	10
4.2	Nâng cao chất lượng dạy học ngoại ngữ đối với giáo dục trung học		50
	Triển khai thực hiện có hiệu quả chương trình các môn ngoại ngữ trong Chương trình GDPT hiện hành và các chương trình môn học thí điểm, đáp ứng lộ trình triển khai Chương trình GDPT 2018		
4.2.1	Đối với môn tiếng Anh	- Kết quả triển khai Chương trình Tiếng Anh mới hệ 10 năm. - Các số liệu và hồ sơ điện tử minh chứng thể hiện kết quả việc dạy học ngoại ngữ, đặc biệt là tiếng Anh, các điển hình sáng tạo của địa phương.	40
4.2.2	Đối với ngoại ngữ khác (nếu có ngoại ngữ khác chấm 10 điểm, đối với môn tiếng Anh chấm 40 điểm, nếu không có ngoại ngữ khác, môn Tiếng Anh chấm 50	- Kết quả triển khai thực hiện	10

	điểm)		
5.	**Nhiệm vụ 5: Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, dạy và học**		**100**
5.1	Công tác tổ chức, bộ máy và công tác chỉ đạo, kế hoạch, hướng dẫn		20
	Phân công cán bộ phụ trách Công nghệ thông tin cấp phòng giáo dục và đào tạo, cơ sở giáo dục	Báo cáo kết quả thực hiện	
	Văn bản hướng dẫn: Triển khai nhiệm vụ công nghệ thông tin năm học 2020 - 2021; hướng dẫn triển khai mô hình ứng dụng công nghệ thông tin trong trường phổ thông (văn bản số 5807/BGDĐT-CNTT ngày 21/12/2018); Chương trình chuyển đổi số quốc gia trong ngành Giáo dục.	- Hướng dẫn triển khai nhiệm vụ công nghệ thông tin hằng năm - Hướng dẫn triển khai Mô hình ứng dụng công nghệ thông tin trong trường phổ thông - Văn bản liên quan hướng dẫn chuyển đổi số trong ngành Giáo dục	
5.2	Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý		40
	Triển khai văn bản điện tử và sử dụng hệ thống e-office của Bộ Giáo dục và Đào tạo/huyện/ thành phố	- Kết quả triển khai văn bản điện tử (tỷ lệ văn bản điện tử hóa). - Số lượng, tỷ lệ văn bản điện tử giao dịch với Sở GDĐT.	
	Triển khai phần mềm cơ sở dữ liệu ngành theo yêu cầu tiến độ của Sở Giáo dục và Đào tạo.	- Văn bản của phòng GDĐT chỉ đạo triển khai cơ sở dữ liệu ngành. - Tỷ lệ nhà trường báo cáo dữ liệu đúng tiến độ.	
	Triển khai phần mềm quản lý trường học (như quản lý học sinh, giáo viên, quản lý thi, xếp thời khóa biểu).	- Tỷ lệ trường học đã triển khai phần mềm quản lý trường học trực tuyến. - Tỷ lệ trường học đã triển khai phần mềm quản lý đáp ứng chuẩn dữ liệu của Bộ quy định. - Tỷ lệ trường học đã kết nối phần mềm quản lý ở nhà trường với cơ sở dữ liệu ngành.	

	Triển khai sử dụng sổ điểm điện tử, học bạ điện tử và triển khai giải pháp trao đổi thông tin về học tập, rèn luyện với phụ huynh học sinh qua OTT, email, website.	- Tỷ lệ trường học đã triển khai sổ điểm điện tử. - Tỷ lệ trường học đã triển khai học bạ điện tử. - Tỷ lệ trường học đã triển khai giải pháp kết nối, trao đổi thông tin với phụ huynh qua hình thức tin nhắn OTT, hoặc email, hoặc website hoặc ứng dụng di động.	
	Triển khai website giáo dục theo Thông tư 37/2020/TT-BGDĐT ngày 05/10/2020	- Sở GDĐT đã triển khai website theo Thông tư 37/2020/TT-BGDĐT. - Tỷ lệ Phòng GDĐT đã triển khai website theo Thông tư 37/2020/TT-BGDĐT. - Tỷ lệ trường học đã triển khai website theo Thông tư 37/2020/TT-BGDĐT.	
	Triển khai dịch vụ công trực tuyến	- Số lượng, tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 triển khai ở các phòng giáo dục và đào tạo.	
	Triển khai họp trực tuyến được thực hiện giữa cơ quan quản lý giáo dục.	- Số lượng cuộc họp trực tuyến được tổ chức bởi sở giáo dục và đào tạo và các phòng giáo dục và đào tạo.	
5.3	Ứng dụng Công nghệ thông tin trong dạy - học, kiểm tra đánh giá		20
	Triển khai e-learning và dạy học trực tuyến.	- Kết quả thực hiện.	
	Triển khai ngân hàng trắc nghiệm trực tuyến (tracnghiem.itrithuc.vn).	- Kết quả thực hiện.	
5.4	Các điều kiện đảm bảo triển khai ứng dụng công nghệ thông tin		20
	Thiết bị và hạ tầng công nghệ thông tin trường học	- Tỷ lệ máy tính phục vụ quản lý, công tác hành chính nhà trường so với số lượng cán bộ làm công tác hành chính - Tỷ lệ máy tính phục vụ công tác chuyên môn của giáo	10

		viên so với số lượng giáo viên và số lượng tổ bộ môn - Tỷ lệ máy tính phục vụ học tập của học sinh so với số lượng học sinh - Tỷ lệ bộ thiết bị trình chiếu được sử dụng dạy-học trong các nhà trường so với số lượng lớp học - Trong đó số lượng màn hình trình chiếu được sử dụng - Tỷ lệ trường học đã kết nối cáp quang - Tỷ lệ trường học phải kết nối qua thiết bị 3G, 4G - Tỷ lệ trường học chưa kết nối được Internet	
	Nhân lực sử dụng công nghệ thông tin	- Tỷ lệ giáo viên ứng dụng Công nghệ thông tin dạy học trên lớp học so với số lượng giáo viên - Tỷ lệ giáo viên có thể soạn bài giảng e-learning và dạy học trực tuyến so với số lượng giáo viên - Tỷ lệ giáo viên đạt chứng chỉ kỹ năng sử dụng Công nghệ thông tin quy định tại Thông tư số 03/2014/TTBTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông (hoặc tương đương). - Tỷ lệ, số lượt cán bộ quản lý, nhân viên, giáo viên được tham dự các lớp bồi dưỡng nâng cao nhận thức, kỹ năng về an toàn thông tin. - Tỷ lệ, số lượt giáo viên được tham dự tập huấn chuyên môn qua mạng.	10
6.	**Nhiệm vụ 6: Đẩy mạnh phân cấp và thực hiện tự chủ, tự chịu trách nhiệm đối với các cơ sở giáo dục**		**150**
6.1	Đẩy mạnh phân cấp và thực hiện tự chủ, tự chịu trách nhiệm đối với các cơ sở giáo dục mầm non		**50**
6.1.1	Đổi mới công tác quản lý giáo dục theo hướng phân cấp, phân quyền, tự chủ gắn với cơ chế giám sát và	- Văn bản hướng dẫn. - Kết quả việc thực hiện.	25

	trách nhiệm giải trình; hướng dẫn công tác quản trị cơ sở giáo dục mầm non.		
6.1.2	Thực hiện tốt dân chủ trong hoạt động cơ sở giáo dục mầm non.	- Văn bản hướng dẫn. - Kết quả việc thực dân chủ.	25
6.2	Đẩy mạnh phân cấp và thực hiện tự chủ, tự chịu trách nhiệm đối với các cơ sở giáo dục tiểu học		**50**
6.2.1	Tỷ lệ các cơ sở giáo dục tiểu học xây dựng được kế hoạch giáo dục nhà trường có sự bố trí sắp xếp lại nội dung giáo dục phù hợp với thực tế địa phương	Văn bản chỉ đạo. Kết quả thực hiện.	15
6.2.2	Tỷ lệ các cơ sở giáo dục tiểu học xây dựng được kế hoạch giáo dục nhà trường có bổ sung các nội dung giáo dục phù hợp với nhu cầu và gắn với thực tế địa phương	Văn bản chỉ đạo. Kết quả thực hiện.	15
6.2.3	Triển khai có hiệu quả việc thực hiện tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong việc quản lý, phân cấp, phân quyền….cho các cơ sở giáo dục	Văn bản chỉ đạo với các giải pháp cụ thể. Kết quả thực hiện với minh chứng cụ thể.	20
6.3	Đẩy mạnh phân cấp và thực hiện tự chủ, tự chịu trách nhiệm đối với các cơ sở giáo dục trung học		**50**
6.3.1	Tăng cường giao quyền tự chủ cho các cơ sở giáo dục trung học xây dựng và thực hiện kế hoạch giáo dục nhà trường.	Kế hoạch giáo dục của mỗi trường được xây dựng từ tổ chuyên môn, báo cáo phòng giáo dục và đào tạo (đối với trường THCS), tạo điều kiện cho các trường được linh hoạt áp dụng các hình thức tổ chức giáo dục, các phương pháp dạy học tiên tiến mà không bị áp đặt từ cấp trên.	20
6.3.2	Tập trung đổi mới sinh hoạt chuyên môn của tổ/nhóm chuyên môn dựa trên nghiên cứu bài học.	Tăng cường các hoạt động dự giờ, rút kinh nghiệm để hoàn thiện từng bước cấu trúc nội dung, kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục; phương pháp, hình thức tổ chức dạy học và kiểm tra, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện của học sinh tiệm cận với Chương trình GDPT 2018	10

6.3.3	Tiếp tục thực hiện tinh giản hồ sơ, sổ sách trong nhà trường; quản lý và sử dụng xuất bản phẩm tham khảo	Nâng cao chất lượng sử dụng công nghệ thông tin trong tổ chức và quản lý các hoạt động chuyên môn trong các cơ sở giáo dục trung học; tăng cường sử dụng hồ sơ điện tử, sổ điểm điện tử, học bạ điện tử để nâng cao hiệu quả công tác quản lý giáo dục; thực hiện nhập số liệu, khai thác, sử dụng thống nhất dữ liệu toàn ngành về trường, lớp, học sinh, giáo viên, trường chuẩn quốc gia và các thông tin khác trong quản lý và báo cáo	10
6.3.4	Tăng cường kiểm tra công tác quản lý hoạt động dạy học, giáo dục của các nhà trường	Tổ chức kiểm tra công tác quản lý hoạt động dạy học, giáo dục của các nhà trường; nâng cao hiệu quả quản lý các cơ sở giáo dục trung học tư thục, các cơ sở giáo dục có yếu tố nước ngoài, các chương trình giảng dạy của nước ngoài hoặc bằng tiếng nước ngoài	10
7	**Nhiệm vụ 7: Hội nhập quốc tế**		
8.	**Nhiệm vụ 8: Tăng cường cơ sở vật chất bảo đảm chất lượng các hoạt động giáo dục đào tạo**		**100**
8.1	Thực hiện công tác cơ sở vật chất và đảm bảo các công trình vệ sinh, nước sạch trong các cơ sở giáo dục	- Kế hoạch chi tiết và văn bản chỉ đạo (đã được phê duyệt) - Thực trạng nhà vệ sinh đạt chuẩn, số lượng công trình nước sạch các cơ sở giáo dục: + Số lượng nhà vệ sinh đạt chuẩn (theo Thông tư liên tịch số 13/2016/TTLT-BYT-BGDĐT ngày 12/5/2016) đạt tỷ lệ 60% trở lên. + Số lượng cơ sở giáo dục có công trình nước sạch đạt tỷ lệ 80% trở lên. + Quyết định phê duyệt đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp nhà vệ sinh và các công trình nước sạch của các cơ sở giáo dục, trong đó thể hiện: tăng một trong các tỷ lệ	35

		nêu trên 5% trở lên so với cùng kỳ năm trước. - Thực trạng cơ sở vật chất: + Số lượng phòng học cấp tiểu học đạt tỷ lệ 0,9 phòng/lớp + Số lượng phòng học bộ môn đáp ứng quy định đạt tỷ lệ 70% + Công trình kiên cố ở tất cả các cấp học mầm non và tiểu học đạt tỷ lệ tối thiểu 60% + Quyết định phê duyệt đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp cơ sở vật chất các cơ sở giáo dục, trong đó thể hiện: tăng một trong các tỷ lệ nêu trên 5% trở lên so với cùng kỳ năm trước.	
8.2	Thực hiện công tác thiết bị dạy học	- Văn bản đã phê duyệt của các cấp, các ngành ở địa phương về việc đầu tư thiết bị dạy học, đồ chơi trẻ em và thư viện trường phổ thông. - Kế hoạch chi tiết và văn bản chỉ đạo, hướng dẫn (đã được phê duyệt). - Báo cáo về tỷ lệ thiết bị dạy học, đồ chơi trẻ em đáp ứng yêu cầu tối thiểu (hoặc dẫn chiếu đến Báo cáo đã nộp theo quy định) đảm bảo: Tính trung bình của các cấp học (mầm non, tiểu học và THCS) đầu năm học đáp ứng 70% yêu cầu tối thiểu; cuối năm học tăng 10% so với đầu năm học. - Báo cáo về tỷ lệ thư viện trong các cơ sở giáo dục phổ thông (hoặc dẫn chiếu đến Báo cáo đã nộp theo quy định) đảm bảo: 100% các cơ sở giáo dục phổ thông có thư viện trường học, trong đó 70% số thư viện trường học đáp ứng yêu cầu theo quy định; đầu tư bổ sung thư viện cho các cơ sở giáo dục phổ thông cuối năm học tăng 10% so với	35

		đầu năm học. - Kết quả công tác kiểm tra, đánh giá của sở giáo dục và đào tạo (hoặc dẫn chiếu đến Báo cáo đã nộp theo quy định).	
8.3	Thực hiện Chương trình Môi trường quốc gia và xây dựng nông thôn mới	- Kế hoạch chi tiết và văn bản hướng dẫn, chỉ đạo (đã được phê duyệt). - Tỷ lệ trường chuẩn.	15
8.4	Thực hiện Kế hoạch hành động thực hiện Chiến lược quốc gia phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai của ngành Giáo dục giai đoạn 2011 - 2020 (Quyết định số 4068/QĐ-BGDĐT ngày 08/9/2011) và chấp hành chế độ báo cáo theo quy định.	- Kết quả thực hiện.	15
9.	**Nhiệm vụ 9: Phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao**		**60**
9.2	Tham mưu cho Ủy ban nhân dân huyện về việc: Thành lập hoặc cho phép thành lập, thu hồi quyết định thành lập, quyết định cho phép thành lập, sáp nhập, chia tách, giải thể, đổi tên, chuyển đổi loại hình đối với cơ sở giáo dục công lập, dân lập, tư thục theo quy định	- Kết quả thực hiện	30
9.3	Công tác đào tạo, bồi dưỡng	- Kết quả triển khai thực hiện	30
10.	**Giải pháp 1: Hoàn thiện thể chế, tăng cường công tác cải cách hành chính, kiểm tra về giáo dục đào tạo.**		**180**
10.1	Công tác pháp chế		**50**
10.1.1	Tổ chức pháp chế hoặc bố trí cán bộ chuyên trách, kiêm nhiệm làm công tác pháp chế.	Quyết định thành lập hoặc Quyết định/bảng phân công nhiệm vụ thực hiện công tác pháp chế.	15
10.1.2	Tham gia đóng góp ý kiến các văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Uỷ ban nhân dân; tham gia góp ý các văn bản có liên quan đến giáo dục; xây dựng,	Kết quả thực hiện	10

	ban hành các văn bản chỉ đạo điều hành trong phạm vi ngành tại địa phương.		
10.1.3	Tổ chức tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật trong nhà trường; tổ chức thực hiện theo dõi, kiểm tra tình hình thi hành pháp luật trong lĩnh vực giáo dục ở địa phương.	Thống kê số lượng, hình thức, kết quả các cuộc tuyên tuyền, phổ biến.	25
10.2	Công tác cải cách hành chính, tổng hợp, thống kê		**50**
10.2.1	Tổng hợp tình hình thực hiện 09 nhóm nhiệm vụ chủ yếu và 05 nhóm giải pháp cơ bản của ngành Giáo dục	- Báo cáo việc triển khai các hoạt động đầu năm học và tình hình tổ chức khai giảng. - Báo cáo sơ kết, tổng kết năm học. - Báo cáo thông tin trước các kỳ họp HĐND. - Định kỳ hằng tháng báo cáo tình hình triển khai thực hiện 09 nhóm nhiệm vụ chủ yếu và 05 nhóm giải pháp cơ bản ở các địa phương.	10
10.2.2	Kế hoạch thời gian năm học, kế hoạch nhiệm vụ trọng tâm năm học	- Kết quả triển khai, thực hiện.	10
10.2.3	Cập nhật dữ liệu đầy đủ, chính xác trên hệ thống báo cáo trực tuyến tại http://csdl.moet.gov.vn; thực hiện báo cáo thống kê theo quy định.	Cập nhật đầy đủ, chính xác dữ liệu thông tin và tổng hợp nộp báo cáo thống kê giáo dục của địa phương đúng hạn; báo cáo thống kê sau khi nộp không bị trả lại vì chưa đảm bảo yêu cầu.	10
10.2.4	- Công tác cải cách thủ tục hành chính: Công bố, công khai các thủ tục hành chính theo quy định tại Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ: Công bố công khai 100% thủ tục hành chính (10 điểm); từ 75% đến dưới 100% (5 điểm); dưới 75% (0 điểm) - Tỷ lệ giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính đúng hạn, gồm 3 mức: Đạt 100% (10 điểm); từ 75% đến dưới	- Tỷ lệ các Quyết định công bố thủ tục hành chính được đăng tải trên cổng thông tin điện tử của sở giáo dục và đào tạo và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. - Kết quả giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính (báo cáo cải cách hành chính).	20

	100% (5 điểm); dưới 75% (0 điểm)		
10.3	Công tác kiểm tra		**80**
10.3.1	Xây dựng kế hoạch thanh tra có trọng tâm, trọng điểm gắn với việc thực hiện 09 nhóm nhiệm vụ, 05 nhóm giải pháp, khắc phục bệnh thành tích và các vấn đề nóng của Ngành, phân biệt rõ thanh tra hành chính và thanh tra chuyên ngành.	Kế hoạch kiểm tra năm học. Kế hoạch điều chỉnh, bổ sung (nếu có).	20
10.3.2	Tổ chức kiểm tra đúng quy trình, kết luận thanh tra đúng pháp luật, phản ánh đúng thực tế khách quan; tổ chức theo dõi, đôn đốc việc thực hiện kết luận thanh tra đúng quy định.	- Thông báo kết quả kiểm tra theo kế hoạch, đột xuất. - Công khai thông báo kết quả kiểm tra. - Các văn bản xử lý sau kiểm tra.	20
10.3.3	- Phối hợp với thanh tra cấp huyện và các đơn vị có liên quan trong công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo phòng chống tham nhũng; trong xử lý các vụ việc sai phạm, tiêu cực về giáo dục trên địa bàn.	- Văn bản phối hợp với thanh tra huyện và các đơn vị có liên quan trong công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo phòng chống tham nhũng; trong xử lý các vụ việc sai phạm, tiêu cực về giáo dục trên địa bàn. - Văn bản phối hợp, cử người tham gia thanh tra, kiểm tra với các cấp.	20
10.3.4	- Tiếp dân, xử lý đơn thư, giải quyết khiếu nại, giải quyết tố cáo, phòng chống tham nhũng theo quy định không để phát sinh điểm nóng và nhiều đơn thư vượt cấp. - Báo cáo sơ kết học kỳ, báo cáo tổng kết và báo cáo đột xuất (nếu có).	- Các văn bản xử lý đơn thư, giải quyết khiếu nại, giải quyết tố cáo, phòng chống tham nhũng.	20
11.	**Giải pháp 2: Nâng cao năng lực lãnh đạo, quản lý của cán bộ quản lý giáo dục**		**100**
11.1	Tổ chức triển khai, thực hiện quy định về tiêu chuẩn chức danh cán bộ quản lý phòng giáo dục và đào tạo	Văn bản quán triệt, phổ biến, triển khai thực hiện Thông tư quy định về tiêu chuẩn chức danh trưởng phòng, phó	40

		trưởng phòng giáo dục và đào tạo	
11.2	Tổ chức, triển khai thực hiện công tác bồi dưỡng nâng cao năng lực lãnh đạo, quản lý cho đội ngũ cán bộ quản lý phòng giáo dục và đào tạo.	Kế hoạch và kết quả cử trưởng phòng, phó trưởng phòng giáo dục và đào tạo tham gia các khóa bồi dưỡng nâng cao năng lực lãnh đạo, quản lý phòng giáo dục và đào tạo.	40
11.3	Phối hợp với các cơ quan, ban ngành tổ chức tốt công tác tuyển dụng, sử dụng cán bộ quản lý giáo dục.	Kế hoạch, kết quả công tác tuyển dụng, sử dụng cán bộ quản lý giáo dục.	20
12.	**Giải pháp 3: Tăng cường các nguồn lực đầu tư cho giáo dục và đào tạo**		**100**
12.1	Bảo đảm đủ kinh phí để chi cho hoạt động giáo dục tại địa phương theo quy định tại Quyết định số 46/2016/QĐ-TTg. Trong đó, đảm bảo tỷ lệ chi hoạt động chuyên môn tối thiểu 18%, chi thường xuyên tối đa 82%.	Nội dung liên quan trong kế hoạch ngân sách của Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố, nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh/thành phố. Kế hoạch dự toán ngân sách hàng năm của phòng giáo dục và đào tạo.	25
12.2	Xây dựng báo cáo kế hoạch phát triển giáo dục của địa phương hằng năm.	Kế hoạch phát triển giáo dục của địa phương với đầy đủ nội dung, các bảng số liệu và gửi đúng thời hạn	30
12.3	Đảm bảo tỷ lệ vốn đối ứng của địa phương cho các chương trình, đề án, dự án theo quy định.	Quyết định giao vốn cho Chương trình, đề án, dự án của Ủy ban nhân dân huyện thể hiện rõ nguồn vốn đối ứng của địa phương.	15
12.4	Triển khai Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 06/6/2019 của Chính phủ về tăng cường huy động các nguồn lực của xã hội đầu tư cho phát triển giáo dục và đào tạo.	Văn bản chỉ đạo, kế hoạch hành động thực hiện.	15
12.5	Đẩy mạnh các giải pháp xã hội hóa trong giáo dục và đào tạo.	Lồng ghép các nội dung và chỉ tiêu xã hội hóa giáo dục vào các kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, đơn vị và thực hiện báo cáo định kỳ về đẩy mạnh xã hội hóa giáo dục trên địa bàn, đơn vị.	15
13.	**Giải pháp 4: Công tác khảo thí và kiểm định, đánh giá chất lượng giáo dục**		**100**

13.1	Tổ chức thi học kỳ đúng theo quy định	- Kế hoạch triển khai	20
13.2	- Tham dự các hội nghị, hội thảo, tập huấn và các hoạt động chuyên môn về quản lý chất lượng do Sở, Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức.	- Văn bản cử người tham dự	20
13.3	Thực hiện tốt công tác bảo đảm và kiểm định chất lượng giáo dục theo hướng dẫn nhiệm vụ năm học và theo các quy định hiện hành.	Kết quả thực hiện công tác đảm bảo và kiểm định chất lượng giáo dục.	20
13.4	Tham gia kỳ thi tuyển sinh 10, trung học phổ thông Quốc gia	Kết quả thực hiện.	20
13.5	Công tác cấp phát, quản lý văn bằng, chứng chỉ.	Kết quả thực hiện.	20
14.	**Giải pháp 5: Công tác truyền thông về giáo dục và đào tạo**		**100**
14.1	Website thường xuyên hoạt động, tương tác, cập nhật thông tin.	Địa chỉ website, Website được cập nhật thông tin thường xuyên.	25
14.2	- Có cán bộ phụ trách truyền thông. - Có kế hoạch truyền thông năm học, xử lý sự cố truyền thông nhanh, hiệu quả. - Tổ chức tập huấn báo chí, truyền thông nội bộ. - Chủ động quan hệ, phối hợp cung cấp thông tin cho báo chí.	- Danh sách cán bộ phụ trách truyền thông. - Kế hoạch truyền thông của đơn vị, kết quả xử lý sự cố truyền thông. - Có tập huấn truyền thông. - Kết quả thực hiện.	50
14.3	Phối hợp truyền thông chặt chẽ với Sở	Kết quả thực hiện.	25
	Tổng số điểm theo 9 nhiệm vụ, 5 giải pháp		**1830**
	Điểm thưởng		**170**
	Tổng số điểm		**2000**

(*) 1. Điểm thưởng (không quá 170 điểm): gợi ý 1 số tiêu chí

+ Trong năm học, đơn vị nào có mô hình mới, cách làm hay, gương điển hình tiên tiến được Sở GDĐT chọn giới thiệu tham gia các Hội nghị điển hình tiên tiến cấp ngành, tỉnh và Bộ GDĐT hoặc được chọn đăng website Sở, gửi Bộ + Đối với những chỉ tiêu vượt kế hoạch đề ra từ đầu năm học+ Chi bộ đạt trong sạch, vững mạnh tiêu biểu

+ Tham gia các Hội thi do ngành phát động, tổ chức đạt giải (từ giải 3 trở lên)

2. Điểm trừ

+ Đối với công chức, viên chức, người lao động công tác tại cơ quan phòng GDĐT không là lãnh đạo đơn vị vi phạm kỷ luật khiển trách: bị trừ 20 điểm/trường hợp; đối với lãnh đạo: trừ 30 điểm/trường hợp.

+ Công tác phối hợp với Sở chậm trễ: trừ 10 điểm/văn bản nhắc nhở; không phối hợp, không gửi báo cáo: trừ 20 điểm/lần.

+ Không tham gia cuộc họp do Sở GDĐT, Cụm tổ chức: trừ 10 điểm/lần.

+ Đối với điểm trừ về chất lượng hồ sơ đề nghị khen thưởng (căn cứ vào thông báo kết quả thẩm định hồ sơ khen thưởng của Sở GDĐT): trừ vào điểm của năm học liền kề. Cụ thể như sau:

- Trình khen thưởng do Giám đốc Sở GDĐT ra quyết định:
  - ✓ Có trường hợp bị để lại do trình không đúng tiêu chuẩn
  - ✓ Sai sót nội dung đề nghị khen thưởng: giới tính, họ tên, chức vụ, đơn vị, thành tích….đề nghị điều chỉnh sau khi ban hành quyết định
  - ✓ Đề nghị chỉnh sửa báo cáo thành tích
  - ✓ Yêu cầu bổ sung hồ sơ
- Khen thưởng cấp Bộ GDĐT
  - ✓ Có trường hợp bị để lại do trình không đúng tiêu chuẩn
  - ✓ Sai sót nội dung đề nghị khen thưởng: giới tính, họ tên, chức vụ, đơn vị, thành tích….đề nghị điều chỉnh sau khi trình Bộ GDĐT: trừ 10 điểm/trường hợp.
  - ✓ Đề nghị chỉnh sửa báo cáo thành tích
  - ✓ Yêu cầu bổ sung hồ sơ

3. Điểm phạt: Đối với những trường hợp đánh giá không trung thực sẽ được chấm lại theo quy định, đồng thời bị phạt gấp đôi số điểm do không trung thực mà có.

Ví dụ: Đơn vị A có 01 viên chức vi phạm kỷ luật khiển trách nhưng đơn vị A không tự giác trừ điểm. Khi bị phát hiện, đơn vị A sẽ nhận điểm trừ và điểm phạt như sau:

+ Điểm trừ: 2 điểm

+ Điểm phạt: 2 điểm x 2 = 4 điểm

Vậy tổng điểm đơn vị A bị trừ là 6 điểm

4. Điểm liệt: đơn vị có cá nhân, tập thể vi phạm tham nhũng, vi phạm đạo đức nhà giáo, vi phạm đạo đức công vụ có kết luận của cấp có thẩm quyền.

PHỤ LỤC SỐ 2B
DANH MỤC TIÊU CHÍ THI ĐUA
ĐỐI VỚI CÁC ĐƠN VỊ THUỘC SỞ GDĐT ĐÁNH GIÁ CÔNG VỤ

(Kèm theo công văn số /SGDĐT-TCCB ngày /11/2020 của Sở GDĐT)

Nội dung tiêu chí		Điểm chuẩn	Tự chấm	Căn cứ chấm	Cụm chấm
I	**Kết quả đánh giá công vụ**	**200**		QĐ của Sở	
1	Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ	*Quy đổi từ điểm công vụ*			
2	Hoàn thành tốt nhiệm vụ				
II	**Chấp hành chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của nhà nước, tích cực tham gia các hoạt động xã hội (minh chứng cụ thể trong báo cáo)**	**40.0**		Kết quả thực hiện thể hiện chi tiết trong báo cáo	
1	Tổ chức nghiên cứu, học tập, quán triệt và triển khai các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của nhà nước, các văn bản của Ngành.	5.0			
2	Nghiêm chỉnh chấp hành đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.	5.0			
3	Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở.	5.0			
4	Công tác xã hội từ thiện, đền ơn đáp nghĩa.	5.0			
5	Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, tham nhũng.	5.0			
6	Thực hiện kỷ cương hành chính, đạo đức công vụ	5.0			
7	Thực hiện công khai minh bạch theo quy định	5.0			
8	Thực hiện cải cách hành chính tại đơn vị.	5.0			
III.	**Xây dựng tổ chức cơ sở Đảng, đoàn thể vững mạnh**	**15.0**		Chứng nhận của các tổ chức	
1	Tổ chức Đảng hoạt động đạt danh hiệu Chi bộ trong sạch, vững mạnh	5.0			
2	Tổ chức công đoàn hoạt động đạt Công đoàn vững mạnh	5.0			
3	Tổ chức Đoàn TNCS Hồ Chí Minh hoạt động đạt danh hiệu xuất sắc	5.0			
IV	**Thực hiện nhiệm vụ giáo dục và phát triển giáo dục**	**340.0**		Kết quả thực hiện thể hiện chi tiết trong báo cáo	
1	**Phong trào "Đổi mới sáng tạo trong quản lý, dạy và học" do Bộ GDĐT phát động**	***100.0***			
1.1	Thực hiện tốt công tác tuyên truyền, giáo dục chính trị, tư tưởng; Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh cho cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh.	10.0			
1.2	Xây dựng môi trường giáo dục mở, xanh, sạch đẹp, thân thiện, an toàn, giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc	20.0			
a	Đảm bảo trường học thân thiện; thực hiện chương trình giáo dục phù hợp, gắn giáo dục nhà trường với giáo dục gia đình và giáo dục cộng đồng	4.0			

b	Xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện, phòng chống bạo lực học đường, phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội	3.0			
c	Thực hiện tốt công tác giáo dục đạo đức, lối sống, kỹ năng sống, ứng xử văn hóa; tổ chức hoạt động văn hóa văn nghệ, câu lạc bộ cho học sinh; tăng cường các hoạt động trải nghiệm sáng tạo, khởi nghiệp	3.0			
d	Thực hiện tốt các chế độ, chính sách hỗ trợ đối với học sinh; có giải pháp nâng cao hiệu quả công tác tư vấn học đường và công tác xã hội trường học đối với học sinh	3.0			
đ	Đảm bảo an toàn giao thông, an toàn thực phẩm và an ninh trường học; phòng, chống tai nạn thương tích, đuối nước; không để xảy ra ngộ độc thực phẩm, dịch bệnh, bệnh tật nghiêm trọng và không có trẻ em, học sinh tử vong do tai nạn thương tích trong trường học.	7.0			
1.3	Kết quả thực hiện công tác giáo dục chuyên biệt; giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông	10.0			
1.4	Thực hiện công tác thi, kiểm tra, đánh giá theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực học sinh; các biện pháp phòng chống tình trạng phóng điểm, bệnh thành tích trong giáo dục.	10.0			
1.4	Thực hiện các giải pháp tăng cường điều kiện đảm bảo và ứng dụng có hiệu quả công nghệ thông tin trong dạy học, kiểm tra và đánh giá và quản lí giáo dục.	15.0			
1.5	Đẩy mạnh công tác nghiên cứu khoa học trong giáo viên và học sinh (sáng kiến kinh nghiệm; chương trình 5, 6; sáng tạo khoa học kỹ thuật….)	10.0			
1.6	Thực hiện các giải pháp nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục, tăng cường cơ sở vật chất, thiết bị dạy học (sử dụng có hiệu quả phòng học bộ môn, thư viện, thiết bị dạy học), kiểm định chất lượng giáo dục đáp ứng yêu cầu thực hiện các phương pháp giáo dục, dạy học tích cực.	15.0			
1.7	Thực hiện các giải pháp tăng cường điều kiện đảm bảo để mở rộng và nâng cao chất lượng dạy học ngoại ngữ; đặc biệt là Tiếng Anh.	5.0			
1.8	Đối với các trường chuyên biệt và các cơ sở giáo dục vùng dân tộc thiểu số, miền núi: có các giải pháp nâng cao chất lượng hoạt động giáo dục đặc thù; nâng cao năng lực đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục.	5.0			
2.	**Phong trào thi đua "Toàn tỉnh chung sức xây dựng nông thôn mới" do tỉnh phát động**	***30.0***			
2.1	Công tác duy trì sĩ số không vượt quá 1% (có kế hoạch vận động học sinh ra lớp)	10.0			
2.2	Có kế hoạch xây dựng, duy trì chuẩn quốc gia	10.0			
2.3	Tỷ lệ học sinh lên lớp đạt 95%; tỷ lệ học sinh tốt nghiệp đạt tỷ lệ chung của tỉnh.	10.0			
3	**Bồi dưỡng và đào tạo giáo viên**	***30.0***			
3.1	Có kế hoạch bồi dưỡng 100% CBGV đạt chuẩn theo quy định.	10.0			

3.2	Có giáo viên học tập nâng cao trình độ trên chuẩn so với quy định trong năm học.	10.0			
3.3	Cử cán bộ, giáo viên tham gia tập huấn do ngành tổ chức.	10.0			
4	**Công tác tuyển sinh**	***20.0***			
4.1	Thực hiện công tác tuyển sinh đúng quy chế	10.0			
4.2	Đạt chỉ tiêu tuyển sinh	10.0			
5	**Công tác kế hoạch tài chính**	***40.0***			
5.1	Quy chế chi tiêu nội bộ	10.0			
5.2	Công tác tự kiểm tra tài chính.	10.0			
5.3	Quản lý thu – chi tài chính, tài sản, các báo cáo có liên quan đến công tác tài chính.	10.0			
5.4	Thực hiện chế độ công khai đầy đủ, đúng quy định	10.0			
6	**Công tác cơ sở vật chất**	***30.0***			
6.1	Đảm bảo cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ tốt các hoạt động dạy và học của đơn vị	10.0			
6.2	Đảm bảo đầy đủ trang thiết bị phòng chống cháy, nổ.	10.0			
6.3	Có đủ công trình nước sạch, nhà vệ sinh hợp vệ sinh	10.0			
7	**Công tác quản lý**	***60.0***			
7.1	Thực hiện tốt việc quản lý hồ sơ liên quan đến công chức, viên chức	10.0			
7.2	Thực hiện tốt việc quản lý tài chính	10.0			
7.3	Thực hiện tốt việc quản lý cơ sở vật chất của đơn vị, không để xảy ra mất cắp	10.0			
7.4	Thực hiện tốt công tác quản lý hoạt động dạy thêm, học thêm trong và ngoài nhà trường	10.0			
7.5	Thực hiện tốt công tác quản lý chuyên môn	10.0			
7.6	Nhập đầy đủ các phần mềm quản lý theo quy định của ngành	10.0			
8	**Công tác đoàn thể**	***30.0***			
8.1	Tham gia đầy đủ các hoạt động đoàn thể (Công đoàn, Đoàn Thanh niên) do ngành tổ chức	10.0			
8.2	Thực hiện trích nộp kinh phí công đoàn đầy đủ, kịp thời	10.0			
8.3	Trích nộp quỹ "Học giỏi – Sống tốt" đầy đủ	10.0			
V	**Công tác thi đua, khen thưởng**	**70.0**		Các Quyết định, văn bản triển khai của đơn vị	
1	Tổ chức triển khai, hướng dẫn đăng ký và tổng kết thi đua cho cá nhân và tập thể trong đơn vị.	10.0			
2	Có Quyết định thành lập Hội đồng Thi đua – khen thưởng cấp cơ sở hoặc có Quyết định kiện toàn.	10.0			
3	Xây dựng Kế hoạch thi đua năm học.	10.0			
4	Xây dựng Quy chế, tiêu chí Thi đua – Khen thưởng của đơn vị.	10.0			
5	Thành lập Hội đồng chấm sáng kiến kinh nghiệm tại đơn vị.	10.0			
6	Nộp báo cáo định kỳ và đột xuất đầy đủ, đúng hạn và đáp ứng đúng yêu cầu về nội dung.	10.0			
7	Nộp hồ sơ đề nghị công nhận danh hiệu thi đua và các hình thức khen thưởng đúng quy định.	10.0			

Tổng điểm (I), (II), (III), (IV) và (V)		**665.0**			
Tổng điểm (I), (II), (III), (IV) và (V) đối với các đơn vị không tính tiêu chí 1.8		**660.0**			
VI	**Điểm thưởng/ điểm trừ/ điểm phạt (*)**				
Tổng điểm (I), (II), (III), (IV), (V) và (VI)					

(*) **1. Điểm thưởng (không quá 100 điểm): một số gợi ý...**

+ Trong năm học, đơn vị nào có mô hình mới, cách làm hay, gương điển hình tiên tiến được Sở GDĐT chọn giới thiệu tham gia các Hội nghị điển hình tiên tiến cấp ngành, tỉnh và Bộ GDĐT hoặc được chọn đăng website Sở, gửi Bộ GDĐT được cộng 10 điểm/gương; 10 điểm/mô hình, cách làm. (Số điểm cộng không vượt quá 50 điểm).

+ Đối với những chỉ tiêu vượt kế hoạch đề ra từ đầu năm học, mỗi 1% vượt của 1 chỉ tiêu được cộng 0,2 điểm (Số điểm cộng không vượt quá 01 điểm).

+ Chi bộ đạt trong sạch, vững mạnh tiêu biểu: cộng 10 điểm.

+ Tổ chức Đoàn TNCS Hồ Chí Minh được tặng danh hiệu xuất sắc vững mạnh: cộng 5 điểm.

+ Tổ chức công đoàn được tặng danh hiệu vững mạnh xuất sắc: cộng 5 điểm.

2. Điểm trừ

+ Đối với công chức, viên chức, người lao động không là lãnh đạo đơn vị vi phạm kỷ luật khiển trách: trừ 10 điểm/trường hợp; lãnh đạo (người đứng đầu đơn vị và cấp phó của người đứng đầu) vi phạm kỷ luật khiển trách: trừ 15 điểm/trường hợp.

+ Không tham gia cuộc họp do Cụm tổ chức liên quan đến công tác thi đua, khen thưởng: trừ 05 điểm/lần.

+ Đơn vị nhập phần mềm thi đua khen thưởng trễ thời gian quy định: trừ 05 điểm khi có văn bản nhắc nhở lần 1; trừ 10 điểm khi có văn bản nhắc nhở lần 2.

+ Đối với điểm trừ về chất lượng hồ sơ đề nghị khen thưởng (căn cứ vào thông báo kết quả thẩm định hồ sơ khen thưởng của Sở GDĐT): trừ vào điểm của năm học liền kề. Cụ thể như sau:

- Trình khen thưởng do Giám đốc Sở GDĐT ra quyết định:
  - ✓ Có trường hợp bị để lại do trình không đúng tiêu chuẩn: trừ 10 điểm.
  - ✓ Sai sót nội dung đề nghị khen thưởng: giới tính, họ tên, chức vụ, đơn vị, thành tích....đề nghị điều chỉnh sau khi ban hành quyết định: trừ 10 điểm/trường hợp.
  - ✓ Đề nghị chỉnh sửa báo cáo thành tích: trừ 05 điểm.
  - ✓ Yêu cầu bổ sung hồ sơ: trừ 03 điểm.
- Khen thưởng cấp Bộ, tỉnh, cấp Nhà nước
  - ✓ Có trường hợp bị để lại do trình không đúng tiêu chuẩn: trừ 20 điểm.
  - ✓ Sai sót nội dung đề nghị khen thưởng: giới tính, họ tên, chức vụ, đơn vị, thành tích....đề nghị điều chỉnh sau khi trình UBND tỉnh, Bộ GDĐT: trừ 15 điểm/trường hợp.
  - ✓ Đề nghị chỉnh sửa báo cáo thành tích: trừ 05 điểm.
  - ✓ Yêu cầu bổ sung hồ sơ: trừ 003 điểm.

3. Điểm phạt: Đối với những trường hợp đánh giá không trung thực sẽ được chấm lại theo quy định, đồng thời bị phạt gấp đôi số điểm do không trung thực mà có (hoặc hạ hai bậc thi đua nếu nội dung không trung thực liên quan đến hạ bậc thi đua).

Ví dụ: Đơn vị A có 01 viên chức vi phạm kỷ luật khiển trách nhưng đơn vị A không tự giác trừ điểm. Khi bị phát hiện, đơn vị A sẽ nhận điểm trừ và điểm phạt như sau:

+ Điểm trừ: 2 điểm

+ Điểm phạt: 2 điểm x 2 = 4 điểm

Vậy tổng điểm đơn vị A bị trừ là 6 điểm

4. Điểm liệt: đơn vị có cá nhân, tập thể vi phạm tham nhũng, vi phạm đạo đức nhà giáo, vi phạm đạo đức công vụ, vi phạm pháp luật có kết luận của cấp có thẩm quyền.

PHỤ LỤC SỐ 2C
DANH MỤC THI ĐUA
ĐỐI VỚI CÁC TRƯỜNG THPT VÀ PHỔ THÔNG NHIỀU CẤP HỌC NGOÀI CÔNG LẬP

(Kèm theo công văn số /SGDĐT-TCCB ngày /11/2020 của Sở GDĐT)

	Nội dung tiêu chí	Điểm chuẩn	Tự chấm	Căn cứ chấm	Cụm chấm
I	**Chấp hành chính sách pháp luật của nhà nước**	**105.0**			
1	Chính sách, pháp luật về thuế: nộp thuế đủ, đúng thời hạn (tính đến thời điểm đang xét).	20.0		Có xác nhận của cơ quan thuế	
2	Chính sách pháp luật về lao động.	55.0		Có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền	
2.1	Hợp đồng lao động và nội quy lao động.	10.0			
a	100% lao động sau thời gian thử việc (quy định theo Luật Lao động) nếu được nhận phải được giao kết hợp đồng lao động bằng văn bản.	5.0			
b	Có đăng ký nội quy lao động với cơ quan quản lý nhà nước về lao động.	5.0			
2.2	Chế độ, chính sách tiền lương.	20.0		Minh chứng nội dung đã thực hiện	
a	Xây dựng và thực hiện thang bảng lương, quy chế trả lương, thưởng, xây dựng tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ của đơn vị (thông báo với cơ quan quản lý nhà nước về lao động).	10.0			
b	Phối hợp với công đoàn cơ sở ký kết thỏa ước lao động tập thể với những quy định có lợi hơn cho người lao động so với quy định của pháp luật.	10.0			
2.3	Thực hiện đầy đủ các nội dung về an toàn lao động, vệ sinh lao động.	25.0			
a	Chấp hành quy định nội quy thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi.	5.0			
b	Hàng tháng, trích nộp đầy đủ và giải quyết kịp thời các chế độ bảo hiểm xã hội cho người lao động (có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền).	10.0			
c	Thực hiện tốt chế độ bảo hiểm thất nghiệp.	10.0			
3.	Các chính sách pháp luật khác	30.0			
a	Tuyên truyền và thực hiện tốt: An toàn giao thông, công tác phòng, chống tội phạm.	5.0		Căn cứ kết quả kiểm tra của Sở	
b	Thực hiện đầy đủ điều kiện an toàn phòng cháy và chữa cháy của cơ sở theo quy định của pháp luật phòng cháy, chữa cháy.	5.0		Có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền	
c	Thực hiện đầy đủ các điều kiện về an toàn vệ sinh thực phẩm và công tác y tế trường học theo Thông tư Liên tịch số 13/2016/TTLT-BYT-BGDĐT ngày 12/5/2016 Quy định về công tác y tế trường học.	10.0		Căn cứ kết quả kiểm tra của Sở	
d	100% học sinh tham gia bảo hiểm y tế	5.0		Có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền	
đ	Bảo đảm an ninh trật tự trong và ngoài nhà trường.	5.0		Báo cáo của đơn vị	
II	**Xây dựng tổ chức đoàn thể vững mạnh**	**45.0**		Các giấy chứng nhận	

1	Tổ chức Đội TNTP Hồ Chí Minh	8.0			
a	Thành lập tổ chức Đội Thiếu niên tiền phong HCM (đối với các trường có cấp Tiểu học, THCS).	5.0			
b	Liên đội được đánh giá Liên đội mạnh.	3.0			
2	Tổ chức Đoàn TNCS Hồ Chí Minh	15.0			
a	Thành lập tổ chức Đoàn TNCS Hồ Chí Minh	10.0			
b	Tổ chức Đoàn TNCS Hồ Chí Minh hoạt động đạt danh hiệu xuất sắc	5.0			
3	Tổ chức công đoàn	22.0			
a	Thành lập tổ chức công đoàn	12.0			
b	Thực hiện trích nộp kinh phí công đoàn đầy đủ, kịp thời	5.0			
c	Tổ chức công đoàn hoạt động đạt danh hiệu vững mạnh	5.0			
III	**Thực hiện Phong trào "Đổi mới sáng tạo trong quản lý, dạy và học" do Bộ GDĐT phát động và phong trào thi đua "Toàn tỉnh chung sức xây dựng nông thôn mới" do tỉnh phát động**	**85.0**			
1.1	Thực hiện tốt công tác giáo dục chính trị, tư tưởng; Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh.	10.0			
1.2	Xây dựng môi trường giáo dục mở, xanh, sạch đẹp, thân thiện, an toàn, giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc	20.0			
a	Đảm bảo trường học thân thiện; thực hiện chương trình giáo dục phù hợp, gắn giáo dục nhà trường với giáo dục gia đình và giáo dục cộng đồng	4.0			
b	Xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện, phòng chống bạo lực học đường, phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội	3.0			
c	Thực hiện tốt công tác giáo dục đạo đức, lối sống, kỹ năng sống, ứng xử văn hóa; tổ chức hoạt động văn hóa văn nghệ, câu lạc bộ cho học sinh.	3.0			
d	Thực hiện tốt các chế độ, chính sách hỗ trợ đối với học sinh; có giải pháp nâng cao hiệu quả công tác tư vấn học đường và công tác xã hội trường học đối với học sinh.	3.0			
đ	Đảm bảo an toàn giao thông, an toàn thực phẩm và an ninh trường học; phòng, chống tai nạn thương tích, đuối nước; không để xảy ra ngộ độc thực phẩm, dịch bệnh, bệnh tật nghiêm trọng và không có trẻ em, học sinh tử vong do tai nạn thương tích trong trường học.	7.0			
1.3	Sử dụng có hiệu quả phòng học bộ môn, thư viện, thiết bị dạy học phục vụ đổi mới phương pháp dạy học theo hướng tích cực	10.0			
1.4	Thực hiện hiệu quả công tác đổi mới kiểm tra đánh giá theo định hướng phát triển năng lực của học sinh	10.0			
1.4	Ứng dụng có hiệu quả công nghệ thông tin trong dạy, học, kiểm tra, đánh giá	15.0			
1.5	Đẩy mạnh công tác nghiên cứu khoa học trong giáo viên và học sinh (sáng kiến kinh nghiệm; chương trình 5, 6; sáng tạo khoa học kỹ thuật….)	10.0			
1.6	Tăng cường các hoạt động trải nghiệm sáng tạo, khởi	5.0			

	nghiệp				
1.7	Tỷ lệ học sinh lên lớp đạt 95%; tỷ lệ học sinh tốt nghiệp đạt tỷ lệ chung của tỉnh.	5.0			
IV	**Công tác thi đua, khen thưởng**	**40.0**		Các Quyết định, văn bản triển khai của đơn vị	
1	Tổ chức triển khai, hướng dẫn đăng ký và tổng kết thi đua cho cá nhân và tập thể trong đơn vị.	5.0			
2	Có Quyết định kiện toàn Hội đồng Thi đua – Khen thưởng cấp cơ sở hoặc Quyết định thành lập Hội đồng Thi đua – khen thưởng cấp cơ sở.	5.0			
3	Có sắp xếp nhân sự phụ trách công tác thi đua của đơn vị	5.0			
4	Xây dựng Kế hoạch thi đua năm học.	5.0			
5	Xây dựng quy chế, tiêu chí Thi đua – Khen thưởng của đơn vị.	5.0			
6	Có đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của nhân viên	5.0			
7	Nộp báo cáo định kỳ và đột xuất đầy đủ, đúng hạn và đáp ứng đúng yêu cầu về nội dung.	5.0			
8	Nộp hồ sơ đề nghị công nhận danh hiệu thi đua và các hình thức khen thưởng đúng quy định.	5.0			
Tổng điểm (I), (II), (III) và (IV)		**275.0**			
V	**Điểm thưởng/ điểm trừ/ điểm liệt (*)**				
Tổng điểm (I), (II), (III), (IV) và (V)					

(*) 1. Điểm thưởng (không quá 20 điểm)

+ Trong năm học, đơn vị nào có mô hình mới, cách làm hay, gương điển hình tiên tiến được Sở GDĐT chọn giới thiệu tham gia các Hội nghị điển hình tiên tiến cấp ngành, tỉnh và Bộ GDĐT hoặc được chọn đăng website Sở, gửi Bộ GDĐT được cộng 03 điểm/gương; 05 điểm/mô hình, cách làm. (Số điểm cộng không vượt quá 13 điểm).

+ Liên đội vững mạnh cấp huyện, thị xã, thành phố: cộng 01 điểm.

+ Thành lập Chi bộ: cộng 01 điểm.

+ Tổ chức Đoàn TNCS Hồ Chí Minh được tặng danh hiệu xuất sắc vững mạnh: cộng 01 điểm.

+ Tổ chức công đoàn được tặng danh hiệu vững mạnh xuất sắc: cộng 01 điểm.

+ Tham gia các Hội thi do ngành phát động, tổ chức đạt giải (từ giải 3 trở lên): cộng 03 điểm.

2. Điểm trừ

+ Đơn vị có trường hợp có giáo viên và học sinh vi phạm luật giao thông, trừ 03 điểm/giá viên; trừ 02 điểm/học sinh **(căn cứ thông báo của Công an);**

+ Công tác phối hợp với Sở chậm trễ: trừ 03 điểm/văn bản nhắc nhở; không phối hợp, không gửi báo cáo: trừ 10 điểm/lần.

+ Không tham gia cuộc họp do Cụm tổ chức liên quan đến công tác thi đua, khen thưởng: trừ 03 điểm/lần.

+ Đối với điểm trừ về chất lượng hồ sơ đề nghị khen thưởng (căn cứ vào thông báo kết quả thẩm định hồ sơ khen thưởng của Sở GDĐT): trừ vào điểm của năm học liền kề. Cụ thể như sau:

- Trình khen thưởng do Giám đốc Sở GDĐT ra quyết định:

- ✓ Có trường hợp bị để lại do trình không đúng tiêu chuẩn: trừ 03 điểm.
- ✓ Sai sót nội dung đề nghị khen thưởng: giới tính, họ tên, chức vụ, đơn vị, thành tích....đề nghị điều chỉnh sau khi ban hành quyết định: trừ 03 điểm/trường hợp.
- ✓ Đề nghị chỉnh sửa báo cáo thành tích: trừ 02 điểm.
- ✓ Yêu cầu bổ sung hồ sơ: trừ 01 điểm.

- Khen thưởng cấp Bộ GDĐT, tỉnh
  - ✓ Có trường hợp bị để lại do trình không đúng tiêu chuẩn: trừ 05 điểm.
  - ✓ Sai sót nội dung đề nghị khen thưởng: giới tính, họ tên, chức vụ, đơn vị, thành tích....đề nghị điều chỉnh sau khi trình Bộ GDĐT, tỉnh: trừ 10 điểm/trường hợp.
  - ✓ Đề nghị chỉnh sửa báo cáo thành tích: trừ 03 điểm.
  - ✓ Yêu cầu bổ sung hồ sơ: trừ 01 điểm.

3. Điểm liệt: Ngoài những quy định chung nêu tại mục V.1, không xét thi đua đối với các đơn vị vi phạm các nội dung sau đây :

- Không thực hiện đánh giá phân loại giáo viên, nhân viên cuối năm học.

- Vi phạm chính sách, pháp luật về thuế; chính sách pháp luật về lao động; chế độ, chính sách tiền lương.

- Không đóng bảo hiểm xã hội cho người lao động.

- Học sinh không tham gia bảo hiểm y tế.

- Đơn vị có cá nhân vi phạm kỷ luật bị xử lý hình sự.